

Bản án số: **39/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-8-2024

V/v "Ly hôn"

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tươi, bà Phạm Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 4326/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1971.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông **Vũ Đình S**, sinh năm 1969.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại số 134 P, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

*Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Vũ Đình S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/5/2015. Sau khi kết hôn, bà T và ông S sinh sống tại nhà số 134 P, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm. Bà T xác định có đi về giữa Hải Dương và quê ngoại ở Bắc Ninh để làm hàng cho chị gái ruột của bà T. Mỗi lần về quê, bà T đều xin

phép ông S, thậm chí ông S còn nhiều lần về quê làm hàng cùng với bà. Tuy nhiên, ông S có vài lần đánh bà T vì những bất đồng về các quan hệ xã hội, kinh tế trong cuộc sống chung vợ chồng. Bà T thấy rằng ông S là người vũ phu, thường giải quyết mâu thuẫn vợ chồng bằng bạo lực. Bản thân bà T không có người thân thích ở Hải Dương nên khi vợ chồng có mâu thuẫn bà thường về quê để cho mọi việc lắng lại và tránh việc xô xát giữa hai bên. Lần gần nhất, ông S đánh, bóp cổ, cầm dao kề cổ bà T nên bà T đã về quê ngoại ở từ tháng 8/2023 đến tết âm lịch năm 2024 thì ông S về đón bà. Trong khoảng thời gian 04 tháng bà T về quê, ông S không liên lạc, không quan tâm tới bà. Khi ông S về quê đón bà T thì bà suy nghĩ chắc ông S đã thay đổi nên bà đồng ý đồng ý trở về nhà cùng ông S. Sau đó, bà T tình cờ xem điện thoại của ông S thấy có liên lạc với người phụ nữ khác, bà có hỏi nhưng ông S chối cãi và đánh bà. Vì vậy bà đã về quê từ ngày 01/05/2024 đến nay. Vợ chồng bà không còn hỏi han, không liên lạc với nhau. Bà xác định cuộc sống hôn nhân với ông S không có hạnh phúc, không còn niềm tin với nhau. Nếu ông bà có về chung sống thì tiếp tục xảy ra những xung đột giữa hai bên gây tâm lý lo sợ cho bà T. Do đó, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung, về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông S trình bày thống nhất với bà T về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn của ông bà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn từ việc bà T thường đi về giữa Hải Dương và quê ngoại của bà T tại Bắc Ninh. Mỗi lần bà T về quê phải từ 10-15 ngày và không cho ông S biết bà về quê làm gì. Tình trạng này kéo dài cho đến nay. Tháng 02/2024 (âm lịch), bà T quay về ăn tết với ông S. Sau đó, vợ chồng đi du lịch xuyên việt 11 ngày trở về thì xảy ra hiểu lầm giữa ông S với người khác mà không có căn cứ. Bà T đã chờ hết đồ đạc về quê trong lúc ông không có nhà. Hiện nay, bà T vẫn ở quê ngoại mặc dù ông đã nhiều lần động viên bà quay lại để vợ chồng nương tựa nhau lúc tuổi già. Nay bà T xin ly hôn, ông S không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn lớn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản xác minh, Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương cung cấp:* Chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh nào về mâu thuẫn của vợ chồng bà T, ông S; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*Tại biên bản xác minh với bà Vũ Thị Thanh - Phó khu dân cư số 3 phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương cung cấp:* Quá trình chung sống của vợ chồng bà T và ông S có xảy ra mâu thuẫn trực trặc dẫn đến bà T thường về quê ngoại tại Bắc Ninh để ở. Sự việc này tái diễn cho đến đầu năm 2024 thì bà T đã không còn chung sống cùng ông S tại số nhà 134 Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa, bà T, ông S vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Cho bà Dương Thị T được ly hôn ông Vũ Đình S. Về con chung: không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị T khởi kiện xin ly hôn ông Vũ Đình Đoàn, hiện bị đơn đang cư trú tại phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà T và ông S chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng, chia sẻ với nhau về công việc, các mối quan hệ xã hội, kinh tế

làm ăn dẫn đến xảy ra cãi vã, xô sát. Đồng thời, cuộc sống chung của vợ chồng bà T và ông S thường xuyên có những gián đoạn bởi bà T về quê ở nhiều ngày, nhiều lần. Đến nay, bà T và ông S đã ly thân mỗi người một nơi. Mặc dù, ông S đã nhiều lần động viên, tha thiết mong muốn bà T trở về gia đình đoàn tụ nhưng bà T kiên quyết không đồng ý. Xét thấy, mục đích của cuộc hôn nhân giữa bà T và ông S không đạt được, đã không còn chung sống cùng nhau nên bà T xin ly hôn ông S là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông S xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Bà T và ông S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Vũ Đình S.
2. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003361 ngày 03/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Dương;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- UBND phường Cẩm Thượng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Diệu Linh**

